

Một số dạng bài tập trong dạy học Học phần Tiếng Việt và tiếng Việt thực hành cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non ở Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định

Đào Thị Thanh Hoài*

*ThS. Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định

Received: 26/02/2024; Accepted: 06/03/2024; Published: 15/03/2024

Abstract: The Vietnamese and Practical Vietnamese modules are one of the important modules in the training program for students majoring in Early Childhood Education. The goal of the module is to equip students with basic knowledge of Vietnamese, practice Vietnamese language skills and apply them in the communication process, organizing care and educational activities. children at preschool. This article proposes some types of practice exercises to improve the effectiveness of using Vietnamese in the Vietnamese and Practical Vietnamese modules for students majoring in preschool education at Nam Dinh Pedagogical College.

Keywords: The Vietnamese and Practical Vietnamese, practice exercises, Nam Dinh Pedagogical College.

1. Đặt vấn đề

Học phần *Tiếng Việt và Tiếng Việt thực hành* là một trong những học phần quan trọng trong chương trình đào tạo sinh viên (SV) ngành Giáo dục Mầm non. Việc giảng dạy học phần này tại trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định đã có nhiều thay đổi theo hướng chú trọng đến thực hành. Do đó rất cần có một hệ thống các bài tập (BT) thực hành nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tiếng Việt cho SV trong học tập, sinh hoạt và đặc biệt là trong công việc giảng dạy tại trường mầm non sau này.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái quát về học phần *Tiếng Việt và Tiếng Việt thực hành*

BT là một thành phần quan trọng trong môi trường học tập mà người giảng viên cần thực hiện. Yêu cầu của BT gồm: Có độ khó khác nhau, mô tả tri thức và kỹ năng yêu cầu, định hướng theo kết quả. Đây là những đặc điểm cơ bản của BT để từ đó chúng tôi xây dựng BT thực hành rèn kỹ năng sử dụng tiếng Việt cho SV.

Học phần *Tiếng Việt và Tiếng Việt thực hành* có thời lượng 2 tín chỉ. Nội dung của học phần bao gồm những vấn đề lý luận chung về ngôn ngữ và tiếng Việt như: bản chất xã hội của ngôn ngữ; hệ thống tín hiệu ngôn ngữ; nguồn gốc và quá trình phát triển của tiếng Việt; đặc điểm loại hình tiếng Việt; các bình diện ngữ âm, từ vựng ngữ nghĩa, ngữ pháp, văn bản của tiếng Việt; đồng thời cung cấp tri thức về các cách thức sử dụng tiếng Việt trong hoạt động tạo lập và tiếp nhận ngôn bản. Học phần cũng chú trọng rèn luyện các kỹ năng cụ thể phục vụ cho hoạt động học tập, giao tiếp và giảng dạy của SV, bao gồm: kỹ năng chính tả; kỹ

năng dùng từ; kỹ năng đặt câu; kỹ năng viết đoạn văn, văn bản. Những kỹ năng này được rèn luyện gắn với các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ ở trường mầm non; giúp SV có khả năng tổ chức một cách hiệu quả các hoạt động đó trong quá trình công tác sau này.

Với thời lượng 30 giờ lên lớp thì việc để SV hoàn thành những yêu cầu về chuẩn đầu ra của học phần cũng như có thời gian áp dụng những kiến thức đó để thực hành không phải là một việc dễ dàng. Người giảng viên cần phải có phương pháp và biện pháp dạy học phù hợp mới đảm bảo hoàn thành mục tiêu của học phần. Một trong những biện pháp hiệu quả đó là phát huy tính tích cực, chủ động của SV qua việc thực hiện những BT thực hành.

2.2. Về Giáo trình học phần *Tiếng Việt và Tiếng Việt thực hành*

Tài liệu chính chính được sử dụng để giảng dạy học phần *Tiếng Việt và Tiếng Việt thực hành* là Giáo trình Tiếng Việt và Tiếng Việt thực hành của các tác giả Lê Thị Bắc Lý, Phan Thị Hồng Xuân, Nguyễn Thị Thu Nga - NXB ĐHSP 2013. Cấu trúc của giáo trình gồm 5 phần. Mỗi phần đều được kết cấu gồm các phần: Lý thuyết, câu hỏi ôn tập và BT thực hành. Nội dung của các BT thực hành khá phong phú, bám sát phần lý thuyết, có tác dụng làm sáng rõ hơn phần lý thuyết và có thể vận dụng vào thực tiễn. Tuy nhiên, khảo sát nội dung BT thực hành trong giáo trình, chúng tôi nhận thấy:

- Ở phần 1: Ngữ âm học tiếng Việt (Chương 2: Ngữ âm tiếng Việt hiện đại trong đề cương chi tiết), phần BT thực hành mới tập trung vào BT phân loại âm

tiết, BT phát hiện và sửa lỗi phụ âm đầu, lỗi phần vần, lỗi viết hoa mà chưa có BT khắc phục lỗi thanh điệu.

- Ở phần 2: Từ vựng tiếng Việt (Chương 3: Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt trong đề cương chi tiết), phần BT thực hành tập trung vào các dạng BT xác định từ theo cấu tạo, xác định thành ngữ, quán ngữ, giải nghĩa từ, sửa lỗi dùng từ. Tuy nhiên BT phát hiện và sửa lỗi dùng từ mới tập trung chủ yếu ở lỗi sai về nghĩa nên chưa khái quát được hết những lỗi thường mắc của người học.

- Ở phần 3: Ngữ pháp tiếng Việt (Chương 4: Ngữ pháp tiếng Việt trong đề cương chi tiết), phần BT thực hành tập trung vào các dạng BT phân tích cấu tạo ngữ pháp, phát hiện và sửa lỗi câu mà chưa có BT phân biệt từ loại, dấu câu.

- Ở phần 4: Văn bản tiếng Việt (Chương 5: Văn bản tiếng Việt trong đề cương chi tiết), phần BT thực hành tập trung vào các dạng BT phân tích tính liên kết về nội dung của văn bản, rút ra đề cương của một văn bản, phát triển ý để viết đoạn văn mà chưa có BT nhận diện đoạn văn, phân tích tính liên kết về hình thức của văn bản, viết đoạn văn có chủ đề cho trước, tóm tắt văn bản, tạo lập văn bản. Tuy nhiên, số lượng BT yêu cầu SV thực hiện cần được tăng lên để đáp ứng mục tiêu dạy học hướng vào thực hành. Các dạng BT thực hành cần được bổ sung thêm để làm phong phú hơn nội dung lý thuyết và có tác dụng hướng vào thực tiễn giao tiếp, học tập và phục vụ tốt hơn cho công việc của người GV mầm non sau này.

2.3. Một số dạng BT nhằm nâng cao hiệu quả học tập trong học phần Tiếng Việt và Tiếng Việt thực hành

2.3.1. Dạng BT rèn kỹ năng chính tả: BT khắc phục lỗi thanh điệu

Việc phát âm chuẩn rất quan trọng. Khi phát âm sai sẽ dẫn tới việc viết sai, đọc sai, nói sai chính tả, ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả học tập. Tiếng Việt có năm dấu thanh: sắc, hỏi, ngã, huyền và thanh ngang. Mỗi dấu sẽ có cách đọc khác nhau cũng như đảm nhiệm những chức năng riêng biệt. Trong số các thanh điệu đó thì dấu hỏi và dấu ngã là hai dấu thường dễ bị nhầm lẫn về cách đọc cũng như chính tả. Vì vậy có thể xây dựng các dạng BT nhằm khắc phục lỗi sai thanh điệu như BT yêu cầu xác định đúng dấu thanh, BT chọn từ điền vào chỗ trống, sau đó đọc to đáp án đúng. Ví dụ như sau:

Ví dụ 1: Hãy xác định dấu thanh đúng trong các từ sau đây và đọc lại cho đúng:

Vỡ lẽ - vỡ lẽ; Lỗ chỗ - lỗ chỗ; ầm i - ầm i; ngủ ngon - ngủ ngon; sợ hãi - sợ hãi; hốt hãi - hốt hãi; làm nhâm - làm nhâm; thăm thẳm - thăm thẳm.

Ví dụ 2: Chọn từ thích hợp và điền từ vào chỗ

trống trong các câu sau và đọc lại cho đúng: *Nó cứ đi theo và.....mãi, bực cả mình.*

lặng nhắng - lặng nhắng- lán nhán - lán nhán.

Với dạng BT này, yêu cầu người học phải đọc lại thành tiếng câu đúng. Điều này không chỉ có tác dụng giúp họ ghi nhớ kiến thức mà còn có tác dụng luyện phát âm chuẩn.

2.3.2. Dạng BT rèn kỹ năng từ vựng: BT phát hiện và sửa lỗi dùng từ

SV sử dụng từ trong văn bản thường gặp những lỗi: dùng từ không đúng về âm thanh và hình thức cấu tạo; không đúng về nghĩa; không đúng đặc điểm ngữ pháp; không đúng phong cách ngôn ngữ; thừa từ, lặp từ, thiếu từ; dùng từ công thức, sáo rỗng. Để khắc phục tình trạng này, chúng tôi đã xây dựng những BT cho SV phát hiện và sửa lỗi dùng từ.

Ví dụ 1: Phân tích và chữa lỗi dùng từ trong các câu sau

a. Nhà vua quyết định tổ chức đám cưới cho công chúa và Thạch Sanh. Đám cưới của công chúa và Thạch Sanh tung bừng nhất kinh kỳ.

Ví dụ 2: Đọc văn bản sau và phân tích và sửa những lỗi dùng từ (nếu có)

Mây lặng ngó dòng sông. Cảnh vật vẫn êm ả. Dòng sông lúc này đập chiếc áo của những nàng công chúa trong thần thoại. Mây thấy dòng sông quê hương mình đẹp quá. Mây tự kiêu vì quê hương mình có Mây. Mùa xuân đã nâng tầm hồn Mây bay đi xa, bay xa hơn tầm mắt của mình và trái tim rung lên tình yêu tha thiết với quê hương, với dòng sông nhỏ. Cảm ơn mùa xuân.

2.3.3. Dạng BT rèn kỹ năng ngữ pháp: BT phân biệt từ loại, dấu câu.

Để dùng từ đúng, trước hết người học cần phải hiểu từ, biết dùng từ để đặt câu tiến tới dựng đoạn để tạo thành văn bản. Trong giáo trình chưa có các và BT phân biệt từ loại hay BT về dấu câu. Đây là hai dạng BT khá đặc biệt, có vai trò quan trọng trong việc giúp người học xác định được cấu tạo ngữ pháp và tăng khả năng viết câu, viết đoạn đúng.

Ví dụ 1: Hãy xác định và phân loại các danh từ có trong đoạn văn sau đây và giải thích cơ sở của sự phân loại đó.

Những xóm làng trên cù lao sông Tiền có từ bao đời nay, không hề biến động. Có những vườn cây mới trồng, bạt ngàn là những vườn cây quả cổ thụ. Những rãnh nước được xẻ từ sông vào tưới tắm cho gốc cây bốn mùa ẩm ướt. Cóc, mận, măng cầu, chôm chôm, vú sữa, xoài tượng, xoài cát ... mọc chen nhau.

Ví dụ 2: Điền dấu câu thích hợp vào đoạn văn sau:

Họ yêu nhau nhưng chàng trai rất nghèo anh đi nước ngoài theo đường xuất khẩu lao động để kiếm tiền cưới vợ những biến động xã hội nơi xứ người

khiến thư từ đi lại thất thường sau mấy tháng bất tin anh cô gái viết thư sang anh yêu cầu cho biết thái độ dứt khoát cô không yên tâm và e rằng không đủ kiên nhẫn chờ anh được thư anh hối hoảng viết vội ba chữ trả lời đừng chờ anh cô gái đi lấy chồng khi về nước anh trách cô gái bội ước cô gái đưa thư cũ của anh ra anh chàng té ngửa mình đã viết thiếu một dấu phẩy ý anh ta định viết là đừng chờ anh

2.3.4. Dạng BT rèn kỹ năng viết đoạn văn: *BT nhận diện đoạn văn, BT phân tích tính liên kết của đoạn văn, BT viết đoạn văn*

Đoạn văn được hiểu là một tập hợp câu có quan hệ chặt chẽ với nhau, diễn đạt một nội dung nhất định, được phân đoạn trong văn bản bằng chỗ lùi đầu dòng, viết hoa và kết thúc bằng dấu chấm ngắt đoạn. Để viết được một đoạn văn đúng và hay người viết cần chú ý đến cả nội dung và hình thức của đoạn. Dạng BT rèn kỹ năng phân tích tính liên kết của đoạn văn thường có dạng cho một đoạn văn, sau đó yêu cầu người học phân tích tính liên kết về nội dung và hình thức của đoạn văn đó. Tức là yêu cầu người học phải chỉ rõ về nội dung, các câu trong đoạn văn tập trung thể hiện chủ đề như thế nào; về hình thức, các câu trong đoạn văn liên kết với nhau bằng các phép liên kết nào.

Ví dụ: Phân tích tính liên kết của đoạn văn sau:

“(1) Nhân dân ta có truyền thống lâu đời đùm bọc, đoàn kết với nhau theo phương châm “nhiều điều phải lấy giả gương”. (2) Bản sắc này thể hiện mạnh mẽ nhất trong cảnh đất nước lâm nguy, ngoại bang đe dọa. (3) Nhưng tiếc rằng phẩm chất cao quý ấy thường lại không đậm nét trong việc làm ăn, có thể do ảnh hưởng của phương thức sản xuất nhỏ, tính đố kỵ vốn có của lối sống theo thứ bậc không phải theo năng lực và lối nghĩ “trâu buộc ghét trâu ăn” đối với người hơn mình ở làng quê thời phong kiến.

(Vũ Khoan)

Căn cứ vào trình độ của người học, trước khi cho SV làm các BT phân tích tính liên kết của đoạn, giảng viên có thể cho SV làm quen với kiểu bài nhận diện đoạn văn. Dạng bài này được ra theo kiểu cho một văn bản liền mạch, không phân tách các đoạn trong văn bản, yêu cầu SV đọc và phân tách các đoạn trong văn bản đó rồi giải thích lí do. Dạng bài này có tác dụng rèn cho SV kỹ năng đọc tổng hợp, khả năng phân tích ý, đoạn; từ đó có ý thức viết đoạn chủ động hơn.

Sau khi SV đã được thực hành nhận diện, phân tích tính liên kết của đoạn văn, giảng viên có thể nâng độ khó của phần thực hành lên bằng các BT yêu cầu viết đoạn văn theo chủ đề với những phương pháp cụ thể. Cũng cần lưu ý khi ra các BT này, GV cần chú ý đến những chủ đề quen thuộc, gần gũi với SV, đặc biệt là SV mầm non như: tình bạn, tình yêu, trẻ em, công

việc... Qua đó không chỉ rèn kỹ năng viết mà còn bồi dưỡng tình yêu với nghề cho các em. Ví dụ: Cho câu chủ đề “*Tình yêu với trẻ không chỉ thể hiện bằng lời nói mà hơn hết phải thể hiện bằng việc làm*”, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) triển khai chủ đề đó theo phương pháp diễn dịch.

2.3.5. Dạng BT rèn kỹ năng viết văn bản:

a) BT tóm tắt văn bản: Tóm tắt văn bản là trình bày ngắn gọn nội dung của văn bản gốc theo một mục đích đã định trước. Việc tóm tắt sẽ giúp người học có những ý chính và quan trọng nhất trong một văn bản nhỏ, thuận lợi cho việc ghi nhớ và nghiên cứu sau này. Đối với văn bản nghệ thuật, việc tóm tắt thật sự cần thiết khi phải truyền tải nội dung của một câu chuyện dài đến với trẻ. Với dạng bài này chúng tôi thường yêu cầu SV tóm tắt nội dung một câu chuyện với một dung lượng nhất định. Ví dụ: Tóm tắt truyện “Chú dê đen” trong khoảng 7 câu.

b) BT tạo lập văn bản: Tạo lập văn bản là giai đoạn người viết vận dụng kiến thức về từ, câu, đoạn, văn bản để lần lượt hiện thực hóa đề cương thành văn bản dưới dạng bản thảo. SV được tiếp xúc với nhiều thể loại văn bản, qua đó rèn kỹ năng tạo lập văn bản phù hợp cho từng thể loại. Chúng tôi tập trung chủ yếu vào loại văn bản hành chính vì đây là những văn bản rất gần gũi với GV mầm non. Đề bài đưa ra thường bắt đầu từ một tình huống hay gặp trong trường mầm non và yêu cầu SV đóng vai GV để viết văn bản. Ví dụ: Hôm nay ở trường mầm non tổ chức họp phụ huynh. Em hãy đóng vai thư kí để ghi lại biên bản cuộc họp đó.

3. Kết luận

BT được sử dụng như một phương tiện cơ bản trong dạy học nói chung và dạy học tiếng Việt nói riêng. Khi dạy học tiếng Việt theo hướng chú trọng thực hành thì việc sử dụng BT được coi là một biện pháp hữu hiệu trong việc nâng cao hiệu quả dạy và học. Việc giảng dạy học phần *Tiếng Việt và Tiếng Việt thực hành* nếu được cung cấp thêm số lượng BT như đã đề xuất sẽ tạo cơ hội cho SV được thực hành nhiều hơn, nội dung thực hành phong phú và thiết thực hơn; giúp cho SV tự chuyển hóa kiến thức, hình thành thêm các kỹ năng giao tiếp, từ đó tích lũy thêm kinh nghiệm để độc lập hoặc hợp tác giải quyết các nhiệm vụ được giao một cách hiệu quả hơn.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Nguyễn Hữu Châu, *Từ điển giáo dục*, NXB Giáo dục
- [2]. Đỗ Thu Hà, Luận án tiến sĩ (2014) – *Xây dựng hệ thống BT rèn luyện kỹ năng nói cho SV sư phạm ở học phần Tiếng Việt thực hành*
- [3]. Nguyễn Xuân Khoa (2008), *Tiếng Việt tập 1*, 2, Giáo trình đào tạo GV mầm non, NXB ĐHSP.